

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31/5/2022

Về việc tranh chấp ly hôn

và nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Đang**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Đỗ Thị Gành**

Bà **Nguyễn Hồng Lành**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 51/2022/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022, về việc: "***Tranh chấp ly hôn và nuôi con***" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 75/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Thái Th Ph** – sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp A, xã X, huyện H, tỉnh T.

Bị đơn: Anh **Ngô Q H** – sinh năm 1968. Địa chỉ: Ấp A, xã X, huyện H, tỉnh T.

Chị Ph và anh H vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Ph trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Ph xác định chị và anh H tổ chức lễ cưới ngày 26/9/2012, hôn nhân tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn. Sống chung được 09

năm thì mẫu thuẫn phát sinh, nay chị Ph không còn tình cảm vợ chồng với anh H, nên yêu cầu được ly hôn anh H.

- Về con chung: Chị Ph xác định chị và anh H có hai con chung là Thái B, sinh ngày 19 tháng 6 năm 2013 và Thái D, sinh ngày 14 tháng 7 năm 2015. Hai con hiện đang sống chung chị Ph, chị Ph yêu cầu được nuôi con khi ly hôn, không yêu cầu anh Hng cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ph xác định chị và anh H không có tài sản chung, không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Lời trình bày của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn:* Anh H thống nhất với chị Ph về hôn nhân và thống nhất là vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Anh H đồng ý toàn bộ yêu cầu của chị Ph về hôn nhân và về con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh H xác định chị Ph và anh H không có tài sản chung và cũng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự: Từ khi tham gia tố tụng đến nay, đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Không công nhận chị Thái Th Ph và anh Ngô Q H là vợ chồng;

+ Về con: Giao cháu Thái B, sinh ngày 19 tháng 6 năm 2013 và Thái D, sinh ngày 14 tháng 7 năm 2015 cho chị Ph trực tiếp nuôi.

+ Tài sản chung và nợ chung không đặt ra xem xét giải quyết;

+ Chị Ph phải chịu án phí 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Sau khi nghe ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên; Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Khi chị Ph yêu cầu ly hôn anh H, anh H có nơi cư trú tại xã X, huyện H; Nên Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Chị Ph và anh H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Ph và anh H là phù hợp quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Chị Ph xác định chị và anh H tự nguyện sống chung từ năm 2012, hôn nhân tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết

hôn theo quy định pháp luật. Xét thấy chị Ph và anh H đủ điều kiện đăng ký kết hôn, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật; Nên xem là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay chị Ph yêu cầu ly hôn anh H, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Thái Th Ph và anh Ngô Q H.

[4] Về con chung:

- Về quyền trực tiếp nuôi con: Chị Ph và anh H có 02 con chung là Thái B, sinh ngày 19 tháng 6 năm 2013 và Thái D, sinh ngày 14 tháng 7 năm 2015. Hiện tại hai cháu B và D đã có cuộc sống chung ổn định với chị Ph, chị Ph có yêu cầu nuôi con và anh H cũng thống nhất giao hai con chung cho chị Ph nuôi. Nên Hội đồng xét xử giao hai cháu Thái B và Thái D cho chị Ph trực tiếp nuôi; Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Ph không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản và nợ chung: Chị Ph và anh H xác định anh, chị không có tài sản chung, không có nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp như Hội đồng xét xử phân tích nêu trên, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm:

- Buộc chị Thái Th Ph chịu án phí số tiền 300.000đ, chị Ph đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ, chuyển sang thu án phí.

- Anh Ngô Q H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 5, 28, 35, 39, 92, 147, 227, 228, 244, 271, 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 14, 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Thái Th Ph và anh Ngô Q H.

2. Về con chung:

- Về quyền trực tiếp nuôi con: Giao cháu Thái B, sinh ngày 19 tháng 6 năm 2013 và Thái D, sinh ngày 14 tháng 7 năm 2015 cho chị Ph trực tiếp nuôi. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Ph không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

- Buộc chị Thái Th Ph phải chịu án phí số tiền 300.000đ, chị Ph đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0005023 ngày 14 tháng 02 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long số tiền 300.000đ, chuyển thu án phí số tiền 300.000đ.

- Anh Ngô Q H không phải chịu án phí.

5. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Thị Đang